

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2021.

V/v “Ly hôn giữa Chị K và anh D”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Lộc;

Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 787/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Dương Thúy K**, sinh năm 1975; Trú tại: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1980; Trú tại: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Chị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Lê Văn D chung sống với nhau từ năm 1998 và đăng ký kết hôn năm 2001 tại ủy ban nhân dân xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Chị và anh D đã nhiều lần cố gắng khắc phục nhưng không thành mà cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng hơn. Năm 2018, chị đã

nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh D nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lê Văn D.

Về con chung: Chị K và anh D có 01 con chung tên là Lê Thị Thúy Q – sinh năm 1999; Hiện nay cháu Quỳnh đã trưởng thành có khả năng lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị K xác định không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 12 năm 2020, bị đơn anh D trình bày: Anh và chị Dương Thúy K chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau như Chị K trình bày. Nay Chị K yêu cầu ly hôn, anh thấy tình vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý ly hôn với Chị K.

Về con chung: anh và Chị K có 01 con chung tên là Lê Thị Thúy Q – sinh năm 1999; con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: anh D xác định không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị K và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị K về việc ly hôn với anh D; Về con chung: đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung: Chị K và anh D không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Chị K và anh D xác định không có nên không giải quyết.

Về án phí: Chị K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* bị đơn- anh Lê Văn D có nơi cư trú tại: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, Điều 39

Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Về thủ tục tố tụng: Chị K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt Chị K và anh D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị K và anh D chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn năm 2001, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống Chị K và anh D có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Chị K và anh D đã nhiều lần cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả mà cuộc sống vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh D cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn như Chị K trình bày và đồng ý ly hôn với Chị K nhưng anh không đến tham dự các buổi hòa giải, xét xử theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, cho thấy anh D không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị K và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho Chị K và anh D ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Chị K và anh D có 01 con chung tên là Lê Thị Thúy Q, sinh năm 1999. Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Chị K và anh D không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Chị K và anh D xác định không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thúy k về việc ly hôn với anh Lê Văn D.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Dương Thúy k và anh Lê Văn D được ly hôn.

2. Về con chung: 01 con chung tên là Lê Thị Thúy Q, sinh năm 1999; con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động, sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị K và anh D không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị K và anh D xác định không có nợ ai, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007817 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị K đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan cấp GCNKH;
- Lưu

Nguyễn Quốc Hùng